TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1181/2024/HS-PT
Ngày 18-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;

Ông Nguyễn Văn Khương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 894/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thành B. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 413/2024/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thành B (tên gọi khác: không có); giới tính: nam; sinh năm: 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 201/65/24 N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH N1; con ông Nguyễn Thế H (chết) và bà Huỳnh Lệ C; hoàn cảnh gia đình: có vợ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giam từ ngày 24/10/2022. *(Có mặt)*

*****Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Hồng N – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

(Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không tiến hành triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/07/2019, ông Trần H1 (SN: 1956; địa chỉ: Số C đường T, Phường D, quận T) ký hợp đồng "Uỷ quyền làm dịch vụ hồ sơ pháp lý nhà đất" để ủy quyền cho ông Nguyễn Phạm T làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất thổ cư, đất ở đô thị đối với thửa đất số 522 Tờ bản đồ số 11 diện tích 1269,8m2 tại phường P, Quận I, TP . là đất thuộc sở hữu của ông Trần H1 (gọi tắt là thửa đất số 522) với giá trị hợp đồng là 3.000.000.000 đồng.

Nguyễn Phạm T được Nguyễn Thành B – Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH N1 (sau đây gọi tắt là Công ty N1) cho biết có khả năng chuyển đổi mục đích sử dụng đối với thửa đất số 522. Tin tưởng vào thông tin B đưa ra, ngày 26/09/2019 Nguyễn Phạm T ký "Hợp đồng tư vấn dịch vụ pháp lý" với Nguyễn Thành B – Chủ tịch Công ty N1. Nội dung hợp đồng thể hiện Nguyễn Phạm T giao khoán cho Nguyễn Thành B thực hiện trọn gói việc xin chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở đô thị đối với diện tích tối thiểu là 1.000m2 (90% tổng diện tích thửa 522) và chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất trồng cây lâu năm đối với diện tích còn lại (tương ứng là 269,8m2), tổng giá trị hợp đồng là 2.000.000.000 đồng. Thực hiện theo hợp đồng, ngày 27/09/2019 Nguyễn Phạm T chuyển 400.000.000 đồng vào tài khoản số 0451001695376 đứng tên Nguyễn Thành B mở tại Ngân hàng V.

Sau khi ký kết hợp đồng, Nguyễn Thành B giới thiệu Nguyễn Anh T1 (sinh ngày 20/5/1991; HKTT: A L, Phường H, Quận F, TP .) với Nguyễn Phạm T và cho T biết T1 sẽ thay mặt B để nhận hồ sơ, làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Sau đó, Nguyễn Thành B đưa ra thông tin hồ sơ đang được thực hiện tại các cơ quan nhà nước và yêu cầu Nguyễn Phạm T chuyển tiền để có chi phí thực hiện. Tin tưởng thông tin B đưa ra, T đã 6 lần chuyển khoản vào tài khoản số 0451001695376 đứng tên Nguyễn Thành B mở tại Ngân hàng V cụ thể như sau: Ngày 21/10/2019 chuyển 50.000.000 đồng; Ngày 25/10/2019 chuyển 30.000.000 đồng; Ngày 26/10/2019 chuyển 10.000.000 đồng; Ngày 08/11/2019 chuyển 465.645.000 đồng; Ngày 15/11/2019 chuyển 100.000.000 đồng; Ngày 25/11/2019 chuyển 600.000.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Phạm T đã chuyển cho Nguyễn Thành B là 1.655.645.000 đồng.

Ngày 27/11/2019, Nguyễn Anh T1 sử dụng Zalo gửi Phiếu chuyển số 9077/VPĐK-CNQ9 ngày 22/11/2019 cho Nguyễn Phạm T và thông báo hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã được duyệt và sẽ có kết quả vào ngày 12/12/2019. Ngày 12/12/2019, Nguyễn Phạm T đến Văn phòng Đ để nhận hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất thửa đất số 522 Tờ bản đồ số 11 diện tích 1.269,8m2 tại phường P, Quận I, TP . nhưng không có kết quả. Nguyễn Phạm T nhiều lần liên hệ Nguyễn Thành B, Nguyễn Anh T1 qua Zalo nhưng B, T1 viện nhiều lí do và không gặp mặt giải quyết nên ông T làm đơn tố cáo.

Kết quả hỏi cung bị can, lấy lời khai cá nhân liên quan:

Nguyễn Anh T1 khai nhận: Vào khoảng năm 2019, qua các mối quan hệ xã hội T1 quen biết với Nguyễn Thành B và phụ giúp các công việc cho B để học việc kinh doanh. Nguyễn Thành B giới thiệu T1 cho ông Nguyễn Phạm T để đại diện B nhận thông tin, nộp hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất số 522. Đến khoảng tháng 12/2019, Nguyễn Thành B đưa cho T1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo) và bản vẽ của thửa đất số 522 Tờ bản đồ số 11 thuộc phường P, Quận I, TP . và yêu cầu T1 đến Văn phòng Đ chi nhánh Q để kiểm tra quy hoạch làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và phân lô tách thửa. Khi kiểm tra, T1 được biết này được biết nếu nộp hồ sơ thì phải chờ ít nhất 10 ngày làm việc mới có kết quả nên đã thông báo lại cho Nguyễn Thành B biết. Tiếp đó, T1 có đến công ty Đ1 bản đồ trên địa bàn Quận I (không rõ tên công ty) để hỏi thông tin quy hoạch thì được biết thửa đất trên một phần đã lên thổ cư và một phần là đất trồng lúa, muốn chuyển đổi mục đích sử dụng đất lên thổ cư thì phải chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm và sau đó mới chuyển lên đất thổ cư, toàn bộ thông tin này T1 đã thông báo cho Nguyễn T2 bảo biết. Sau đó, B có gửi bằng Zalo hình ảnh chụp Phiếu chuyển số 9077/VPĐK-CNQ9 nêu trên cho T1 và yêu cầu T1 chuyển cho ông T qua ứng dụng Zalo. T1 chỉ làm theo yêu cầu của B chứ không biết về nguồn gốc hay tính pháp lý của phiếu chuyển trên đồng thời T1 cũng không hưởng lợi gì từ việc trên.

Nguyễn Thành B thừa nhận trước và ngay khi ký "Hợp đồng tư vấn dịch vụ pháp lý" với ông Nguyễn Phạm T, B không tìm hiểu về khả năng chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất 522 nhưng vẫn sử dụng pháp nhân, con dấu công ty N1 để Nguyễn Phạm T tin tưởng và giao tiền. Khi nhận được tiền từ Nguyễn Phạm T, Nguyễn Thành B không sử dụng tiền đã nhận của ông Nguyễn Phạm T để chuyển đổi mục đích sử dụng đất như trong hợp đồng mà đã nhờ Nguyễn Anh T1 để thay B thực hiện. Sau đó, Nguyễn Anh T1 gửi qua Z cho B hình ảnh gồm 01 (một) Phiếu chuyển của Văn phòng đăng ký đất đai và 01 (một) Thông báo nộp thuế đối với thửa đất như trong hợp đồng để thể hiện việc T1 đang thực hiện công việc liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng B không cung cấp được nội dung tin nhắn Zalo thể hiện việc này. Khi nhận được hình ảnh Phiếu chuyển số 9077/VPĐK-CNQ9 thì Nguyễn Thành B đã có liên hệ Văn phòng Đ để kiểm tra công việc của T1 thực hiện thì B được một cán bộ thuộc văn phòng (Bảo không cung cấp được nhân thân lai lịch) trả lời: "Phiếu chuyển số 9077/VPĐK-CNQ9 có vấn đề, Phiếu chuyển này không có thật và cũng không đúng mẫu của Văn phòng Đ". Do đó, Nguyễn Thành B liên hệ cán bộ tại Chi cục T3 (B không cung cấp được nhân thân lai lịch) để nhờ hỏi xin chuyển mục đích sử dụng đất thì biết rằng thửa đất này thời điểm hiện tại chưa thể làm được.

Đối với số tiền 1.655.645.000 đồng B đã đưa cho Nguyễn Anh T1 số tiền 1,1 tỷ đồng bằng tiền mặt là tiền chi phí để thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng B không cung cấp được biên bản giao nhận tiền, người làm

chứng, số lần đưa tiền, còn lại 506.645.000 đồng thì B thừa nhận đã tiêu xài vào mục đích cá nhân nhưng không khai nhận được là đã dùng vào việc gì.

Tiến hành thực hiện đối chất giữa Nguyễn Thành B và Nguyễn Anh T1, Nguyễn Thành B khai đã đưa cho Nguyễn Anh T1 400.000.000 đồng bằng tiền mặt, Nguyễn Anh T1 không thừa nhận việc có nhận tiền của B, Nguyễn Anh T1 thực hiện theo chỉ đạo của B, đối với việc hỗ trợ hợp đồng này T1 chưa nhận bất kỳ khoản tiền nào từ B.

Kết quả xác minh như sau:

Kết quả xác minh tài khoản số 0451001695376 mang tên Nguyễn Thành B mở tại Ngân hàng V, Nguyễn Thành B nhận tổng cộng số tiền 1.655.645.000 đồng từ ông Nguyễn Phạm T và đã rút hết bằng tiền mặt.

Kết quả xác minh tại Văn Phòng Đ Chi nhánh Q và Phòng T4 được biết Chi nhánh Văn Phòng Đ không phát hành Phiếu chuyển số 9077/VPĐK-CNQ9 ngày 22/11/2019; Từ tháng 07/2018 đến nay Phòng Tài nguyên và Môi trường T4 không tiếp nhận bất kỳ hồ sơ nào về việc xin chuyển mục đích sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Đồng thời, căn cứ theo Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư dọc đường B thì vị trí thửa đất 522, tờ bản đồ số 11 được cấp cho hộ ông Trần H1 không phù hợp quy hoạch để xem xét chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa sang đất ở.

Kết luận giám định số 586/KL-KTHS ngày 09/02/2023, xác định: Chữ ký đứng tên Nguyễn Thành B trên "Hợp đồng tư vấn dịch vụ pháp lý" đề ngày 26 tháng 09 năm 2019 và là do Nguyễn Thành B ký ra.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.655.645.000 đồng của bị hại Nguyễn Phạm Tuyên . Hiện nay bị cáo đã tác động gia đình khắc phục 1.000.000.000 đồng cho bị hại.

Vật chứng thu giữ: Không

Bản cáo trạng số 93/CT-VKS-P3 ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Nguyễn Thành Bảo, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 413/2024/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành B 12 (mười hai) năm tù, về tội "*Lừa đảo đoạt tài sản*". Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 05/9/2024, bị cáo Nguyễn Thành B có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, thừa nhận bản án sơ thẩm đã tuyên đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng, các cơ quan và người tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định về tố tụng. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung kháng cáo: với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập đủ cơ sở quy kết bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Về hình phạt, trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo đã thực hiện cùng các tình tiết giảm nhẹ, mức án đã tuyên là tương xứng. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa thống nhất về tội danh và điều khoản đã xét xử đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo do hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo còn nuôi mẹ già, con nhỏ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ cho bị cáo để sớm về chăm sóc mẹ già, con nhỏ, hình phạt đã tuyên là quá nặng. Số tiền đã nhận của bị hại bị cáo đã đưa cho T1 nhiều lần để đi lo hồ sơ nhưng không có tài liệu chứng minh chứ bị cáo không hưởng lợi một mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức:

Quá trình tiến hành tố tụng, cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, quyền và nghĩa vụ của bị cáo cùng những người tham gia tố tụng khác được đảm bảo; các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp, khách quan và đầy đủ để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án. Bị cáo đã được tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình.

Đơn kháng cáo của bị cáo là trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Trên cơ sở đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng khác với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và kết quả giám định, có cơ sở để kết luận: bị cáo Nguyễn Thành B với tư cách Chủ tịch Hội đồng thành viên

Công ty TNHH N1 đã ký Hợp đồng tư vấn dịch vụ pháp lý với ông Nguyễn Phạm T để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất ở đô thị đối với thửa đất số 522, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại phường P, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 26/9/2019. Ông T tin tưởng theo lời tự giới thiệu của B nên đã giao khoán cho B thực hiện trọn gói thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất nêu trên. B không trực tiếp thực hiện mà giới thiệu Nguyễn Anh T1 với ông T và cho biết T1 sẽ thay mặt B liên hệ cơ quan chức năng để thực hiện công việc, còn ông T cần phải đưa chi phí. Ông T đã chuyển tiền cho B 06 lần tổng cộng là 1.655.645.000 đồng trong khoảng thời gian từ ngày 27/9/2019 đến 25/11/2019 vào tài khoản của B mở tại ngân hàng V. Sau đó B chuyển cho ông T qua Zalo Phiếu chuyển số 0977/VPĐK-CNQ9 ngày 22/11/2019 và thông báo hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã được duyệt và sẽ có kết quả vào ngày 12/12/2019. Ông T đến Văn phòng Đ liên hệ để hỏi về tình trạng pháp lý của hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất đối với thửa đất số 522 nhưng được cán bộ ở đây cho biết là vẫn chưa có kết quả giải quyết, do đó mới liên hệ với B và T1 để hỏi thông tin hồ sơ thì đều không được nên đã tố cáo hành vi của các đối tượng. Qua xác minh Phiếu chuyển số 0977/VPĐK-CNQ9 ngày 22/11/2019, Văn phòng Đ cho biết không phát hành văn bản này và diện tích đất ông T xin chuyển mục đích sử dụng không phù hợp quy hoạch để xem xét. Bản thân B đã rút toàn bộ số tiền của ông T gửi và khai chuyển cho T1 để làm chi phí liên hệ cơ quan chức năng nhưng không có tài liệu chứng minh và Nguyễn Anh T1 cũng không thừa nhận. Quá trình điều tra, B thừa nhận khi ký Hợp đồng tư vấn dịch vụ pháp lý với ông T đã không tìm hiểu về thông tin quy hoạch và khả năng chuyển mục đích sử dụng đất thành công. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" do đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Với số tiền đã chiếm đoạt, cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, không oan sai.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do án sơ thẩm xét xử quá nặng. Xét hành vi của bị cáo đã được điều tra làm rõ và bản án sơ thẩm đã thể hiện sự khách quan khi đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vận dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ khi lượng hình nên hình phạt đã tuyên là tương xứng. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đối với vai trò của Nguyễn Anh T1, quá trình điều tra không chứng minh được yếu tố gian dối hoặc cố ý cùng bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo cũng không có tài liệu chứng minh các lần đưa tiền cho T1 nên Nguyễn Thành B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hậu quả trong vụ án.

Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành B **12 (mười hai)** năm tù, về tội "*Lừa đảo đoạt tài sản*". Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/10/2022.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thành B phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1);
- TAND Tp.HCM (2);
- VKSND Tp.HCM (1);
- Cục THADS Tp.HCM (1);
- Sở Tư pháp Tp.HCM (1);
- Công an Tp.HCM (1);
- Trại Tạm giam (Chí Hòa) – CATP.HCM (2);
- Người tham gia tố tụng (1)
- Lưu VP(3), HS(2). 17b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ